TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2025/HS-ST
Ngày 09-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2025/HSST ngày 21 tháng 2 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Chí L, sinh năm 1992 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở: Số B V, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 08/11/2024. Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần D4; địa chỉ: Số D X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Duy H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lù Phát H1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (Giấy ủy quyền ngày 24/4/2025). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Có mặt.

3/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1992; địa chỉ: Số F, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4/ Bà Chu Thị H2, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5/ Bà Dương Thiều A, sinh năm 1999; địa chỉ: Số C khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

6/ Bà Trần Thị Thu H3, sinh năm 1982; địa chỉ: Số I khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

7/ Bà Phạm Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: số C P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

8/ Bà Nguyễn Ngọc Ư, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

9/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991; địa chỉ: Số C khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

10/ Bà Lê Thị Ánh H4, sinh năm 1976; địa chỉ: Số B L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

11/ Bà Nguyễn Nguyệt T3, sinh năm 1981; địa chỉ: Số A khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

12/ Bà Phạm Thị Thanh T4, sinh năm 1983; địa chỉ: Số D đường C, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

13/ Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

14/ Ông Nguyễn Công C1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A, đường A, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

15/ Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1988; địa chỉ: Ô - DC13, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

16/ Bà Ngô Ngọc K, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

17/ Bà Hách Thị Kiều H5, sinh năm 1983; địa chỉ: Số B B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

18/ Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1987; địa chỉ: Số I, L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

19/ Bà Lê Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

20/ Bà Nguyễn Thị Bích H6, sinh năm 1974; địa chỉ: Số C L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

21/ Ông Trần Trọng N1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

22/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

23/ Bà Phan Thị H7, sinh năm 1977; địa chỉ: Số C khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

24/ Bà Nguyễn Thị Thu H8, sinh năm 1974; địa chỉ: Số H khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

25/ Bà Đào Thị T6, sinh năm 1979; địa chỉ: Số D khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

26/ Bà Mai Ngọc N2, sinh năm 1972; địa chỉ: Số C khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

27/ Ông Phan Nhàn D1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số C L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

28/ Ông Huỳnh Văn Chí Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

29/ Bà Phan Thị Hoa L2, sinh năm 1981; địa chỉ: Số G khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

30/ Bà Trần Thị H9, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

31/ Ông Lê Nguyễn Bảo P1, sinh năm 2002; địa chỉ: Số E đường P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

32/ Ông Nguyễn Quốc C2, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm B, xã S, Huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

33/ Ông Bùi Việt H10, sinh năm 1978; địa chỉ: Số B khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

34/ Ông Võ Hoàng Minh T7, sinh năm 1987; địa chỉ: Số C L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

35/ Bà Phạm Thị Cẩm N3, sinh năm 1991; địa chỉ: Số E hẻm C L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

36/ Bà Trần Ngọc Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

37/ Bà Nguyễn Thị H11, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

38/ Bà Lâm Thị Mỹ D2, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

39/ Ông Nguyễn Hoàng D3, sinh năm 2001; địa chỉ: Số H khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

40/ Bà Trần Thị Hồng L3, sinh năm 1974; địa chỉ: Số D L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

41/ Bà Nguyễn Thị H12, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Chí L được Công ty Cổ phần D4 (gọi tắt là Công ty) ký kết hợp đồng dịch vụ số 3.036.251/HĐDV/EXP/2022 ngày 25 tháng 8 năm 2022 có thời hạn từ ngày 25 tháng 8 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 với công việc là nhận các đơn hàng ứng với mã đơn hàng và số tiền thu hộ của từng đơn hàng từ công ty để mang đi giao cho khách hàng. L được thu hộ tiền hàng đối với các đơn hàng giao thành công, tiền thu hộ sau khi thu phải giao nộp về Công ty trước 21 giờ mỗi ngày. Sau khi ký hợp đồng, L được Công ty phân công làm việc tại địa điểm kinh doanh số 22 - Công ty Cổ phần D4, chi nhánh B1, mã tài xế: 3036251. Bà Trần Thị Ngọc T, là nhân viên xử lý tại địa điểm kinh doanh số 22. Nhiệm vụ của nhân viên xử lý là nhận hàng từ Công ty, giám sát các nhân viên giao hàng phân hàng theo khu vực được giao. Sau đó bà T sẽ bắn code vào các đơn hàng để lưu vào máy tính rồi chuyển hàng vào khu vực kho của tài xế thông qua ứng dụng tài xế để cho các nhân viên giao hàng biết. Các tài xế giao hàng và thu tiền hàng từ người nhận hàng. Đến 21 giờ cùng ngày, ứng dụng của tài xế sẽ bị khóa và không thực hiện được việc giao nhận hàng. Do đó, các tài xế sẽ phải quay về điểm kinh doanh số 22 để trả hàng tồn và thanh toán tiền cho bà T bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt để bà T chuyển tiền vào tài khoản của công ty. Ngày 17 tháng 3 năm 2023, bà T giao cho L tổng cộng 118 đơn hàng để đi giao. Đến cuối ngày, kiểm tra trên hệ thống phát hiện L đã giao thành công 89 đơn hàng với tổng số tiền thu hộ là 49.834.524 đồng và giao không thành công 29 đơn hàng, L đã giao trả lại công ty. Riêng đối với số tiền thu hộ là 49.834.524 đồng thì L không bàn giao cho Công ty theo đúng quy định và tự ý nghỉ việc. Công ty đã nhiều lần cử người để liên hệ với L yêu cầu trả lại tiền nhưng không được. Ngày 13/3/2024, Công ty đến Công an thành phố D tố giác hành vi của Nguyễn Chí L.

Cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 20/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Chí L về tội Tham ô tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo L từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty cổ phần D4 yêu cầu Nguyễn Chí L bồi thường tổng số tiền 50.285.524 đồng. Bao gồm số tiền bị cáo L chiếm đoạt là 49.834.524 đồng và số tiền phạt do thực hiện sai quy trình giao nhận hàng là 451.000 đồng. Công ty đã nhận số tiền 38.056.000 đồng từ bà T1 và khấu trừ số tiền 12.680.182 đồng là tiền cọc và lương của L mà Công ty đang giữ. Vì vậy, Công ty cổ phần D4 không có yêu cầu gì khác. Đối với trách nhiệm hình sự thì bị hại đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 (là chị cùng mẹ khác cha với Nguyễn Chí L) đã bồi thường cho Công ty cổ phần D4 số tiền 38.056.000 đồng. Bà T1 không yêu cầu L trả lại số tiền trên nên không đề nghị xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án đã cung cấp lời khai. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Nguyễn Chí L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án: Nguyễn Chí L được Công ty cổ phần D4 ký kết hợp đồng dịch vụ số 3.036.251/HĐDV/EXP/2022 ngày 25 tháng 8 năm 2022 có thời hạn từ ngày 25 tháng 8 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 với công việc nhận các đơn hàng ứng với mã đơn hàng và số tiền thu hộ của từng đơn hàng từ công ty để mang đi giao cho khách hàng. Bị cáo L được thu hộ tiền hàng đối với các đơn hàng giao thành công, tiền thu hộ phải giao nộp về công ty trước 21 giờ hàng ngày. Ngày 17/3/2023, Nguyễn Chí L đã nhận 118 đơn hàng để đi giao, đến cuối ngày L đã giao thành công 89 đơn với số tiền 49.834.524 đồng. Nguyễn Chí L đã trả lại cho Công ty B2 đơn hàng giao không thành công nhưng không nộp lại số tiền đã thu hộ là 49.834.524 đồng. Như vậy, có căn cứ khẳng định hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý của bị cáo Nguyễn Chí L với số tiền 49.834.524 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 20/2/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Chí L là nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã khắc phục được toàn bộ thiệt hại xảy ra cho bị hại. Bị cáo đã đầu thú hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): "Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Công ty cổ phần D4 yêu cầu Nguyễn Chí L bồi thường tổng số tiền 50.285.524 đồng. Bao gồm số tiền bị cáo L chiếm đoạt của công ty là 49.834.524 đồng và số tiền bị cáo L bị phạt khi thực hiện sai quy trình giao nhận hàng là 451.000 đồng. Công ty đã nhận số tiền 38.056.000 đồng từ bà T1 và khấu trừ số tiền 12.680.182 đồng là tiền cọc và tiền lương của bị cáo L mà Công ty đang giữ. Số tiền còn dư Công ty đã trả lại đầy đủ cho bị cáo L. Vì vậy, Công ty cổ phần D4 không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 (chị gái của Nguyễn Chí L) đã bồi thường cho Công ty cổ phần D4 số tiền 38.056.000 đồng. Bà T1 không yêu cầu L bồi thường lại số tiền trên. Xét, đây là sự tự nguyện của bà T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí L phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/11/2024.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Chí L phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã, phường bị cáo thường trú;
- UBND xã, phường (nơi phát hiện tội phạm);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Phân trại tạm giam khu vực thành phố Dĩ An;
- Lưu: VP, HSVP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân